TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 809/2025/DS-PT
Ngày: 27-11-2025
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/11 và ngày 27/11/2025 tại trụ sở 1 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 459/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 533/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số H, ấp B, xã A (xã A, huyện T), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D: Anh Lư Trung K, sinh năm 1989 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp B, xã A (xã A, huyện T), tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 17/4/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị D: Luật sư Nguyễn Văn V là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Lê Thị H, sinh năm 1963.

2.2. Lư Thái H1, sinh năm 1987.

2.3. Lư Thái P, sinh năm 1995.

2.4. Lư Thị Thúy O, sinh năm 1991.

2.5. Lư Thị Minh T, sinh năm 1983 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số G, ấp B, xã A (xã A, huyện T), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, anh Lư Thái H1, anh Lư Thái P, chị Lư Thị Thúy O: Chị Lư Thị Minh T, sinh năm 1983 (Có mặt). Địa chỉ: Số G, ấp B, xã A (xã A, huyện T), tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/4/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Lư Thị Ngọc A, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã A (xã A, huyện T), tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Lư Ngọc D1, sinh năm 1947 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã T (xã T, huyện T), tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Lư Phước X, sinh năm 1984.

3.4. Lư Trung K, sinh năm 1989.

3.5. Lư Trí Đ, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A (xã A, huyện T), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lư Phước X, anh Lư Trí Đ: Anh Lư Trung K, sinh năm 1989 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp B, xã A (xã A, huyện T), tỉnh Đồng Tháp (Giấy ủy quyền ngày 29/10/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lư Phước X, anh Lư Trung K, anh Lư Trí Đ: Luật sư Nguyễn Văn V là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

3.6. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Đồng Tháp) (Vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ C, Ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Đào Văn Q, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

3.8. Huỳnh Văn Á, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A (xã A, huyện T), tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Lê Thị D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lư Trung K trình bày*:**

Thửa đất tranh chấp thuộc một phần thửa 650, tờ bản đồ số 01, loại đất lúa, diện tích theo đo đạc thực tế 2.261,5m^2 tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguồn gốc diện tích đất này là của cụ Lư Văn B (đã chết) và cụ Đào Thị P1 (chết năm 2012) cho ông Lư Hữu P2 là chồng của bà Lê Thị D vào năm 1989. Ngoài ra, cụ P1 còn cho ông P2 thửa 366, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.671m^2 tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 1992, ông P2 đi kê khai và đăng ký nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông P2 và bà D phải đóng lúa hàng năm lại cho cụ P1 là 20 giạ cho đến khi cụ P1 chết.

Năm 1993, ông P2 chết không để lại di chúc, bà D đi đăng ký thừa kế nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/10/1997.

Năm 1994, cụ P1 yêu cầu bà D trả lại diện tích quyền sử dụng đất. Bà D đồng ý trả lại cụ P1 thửa 366, sự thỏa thuận này có ông Trần Văn T1 (Tập đoàn T2) và ông Dương Văn Á1 (Tập đoàn P4) cùng ấp Ba, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp làm chứng. Riêng thửa 650 thì bà D đồng ý cho cụ P1 mượn canh tác đến khi chết thì trả lại nhưng không có gì chứng minh. Từ khi cụ P1 lấy lại đất, bà D không còn đong lúa lại cho cụ P1.

Khi tiến hành trả lại thửa 366 cho cụ P1, ông Lư Hoàng D2 (đã chết) là người viết tờ thỏa thuận. Khi xác lập tờ thỏa thuận, bà D không đọc lại nên ông D2 tự ý chỉnh sửa thửa 366 thành thửa 650. Riêng ông Nguyễn Văn P3 và ông Phan Văn L xác nhận là do ông D2 mang đến nhờ xác nhận chứ không trực tiếp chứng kiến. Bà D thừa nhận chữ ký và dấu vân tay trong tờ thỏa thuận là đúng.

Năm 1995, bà P1 giao 02 thửa đất trên cho bà Lư Thị Ngọc A canh tác. Đến năm 2005, bà Ngọc A cùng chồng là ông Nguyễn Xuân X1 chuyển nhượng thửa đất 366 lại cho bà D. Các bên có lập tờ thỏa thuận vào ngày 31/5/2005 và bà D đã nhận đất lại canh tác cho đến nay nên không tranh chấp.

Đối với thửa đất 650, cụ P1 giao cho bà Ngọc A canh tác từ năm 1995 đến năm 2013 thì giao lại ông Lư Hoàng D2 canh tác nhưng không hỏi ý kiến bà D nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà Lê Thị D yêu cầu Lê Thị H, Lư Thị Minh T, Lư Thái H1, Lư Thị Thúy O và Lư Thái P trả lại diện tích theo đo đạc thực tế 2.261,5m^2 thuộc thửa 650, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Do trước đây không am hiểu pháp luật nên không yêu cầu ông Huỳnh Văn Á cùng có nghĩa vụ trả đất. Sau khi Tòa án thẩm định, bà D xác định ông Huỳnh Văn Á có canh tác một phần diện tích thửa 650, cụ thể trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M13-M1 theo Sơ đồ đo đạc của Trung tâm K1. Nay bà D yêu cầu ông Á có nghĩa vụ cùng với người thừa kế của ông Lư Hoàng D2 trả lại diện tích đất tranh chấp.

Hộ bà Lê Thị D tại thời điểm ngày 08/10/1997 gồm có: Lê Thị D, Lư Phước X, Lư Trung K và Lư Trí Đ.

Người thừa kế của cụ Đào Thị P1 gồm:

+ Cha và mẹ của cụ Đào Thị P1 không xác định được họ tên, chết trước cụ P1.

+ Chồng Lư Văn B, sinh năm 1923 (chết trước cụ P1).

+ Con Lư Ngọc D1, sinh năm 1947.

+ Con Lư Thị Ngọc A, sinh năm 1959.

+ Con Lư Hữu P2 (chết năm 1993). Người thừa kế của ông P2: Lê Thị D, Lư Phước X, Lư Trung K và Lư Trí Đ.

+ Con Lư Hoàng D2, sinh năm 1965 (chết ngày 03/01/2024). Người thừa kế của ông D2: Lê Thị H, Lư Thị Minh T, Lư Thái H1, Lư Thị Thúy O và Lư Thái P.

Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà D đang giữ, không cầm cố thế chấp cho cá nhân hay tổ chức nào.

Không thống nhất lời trình bày của đại diện bị đơn. Đối với Tờ thỏa thuận do ông Lư Hoàng D2 xác lập là nội dung bà D đồng ý trả lại thửa đất 366, không phải thửa 650. Thửa đất tranh chấp bà D chỉ cho cụ P1 mượn lại canh tác nhưng không có gì chứng minh.

Bị đơn chị Lư Thị Minh T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, anh Lư Thái H1, anh Lư Thái P, chị Lư Thị Thúy O trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp thửa 650, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là của cụ Đào Thị P1.

Trước đây, cụ P1 giao đất cho bà Lư Thị Ngọc A canh tác nhưng không xác định thời gian nào. Sau đó, bà Ngọc A giao đất lại cho ông Lư Hoàng D2 canh tác nhưng không nhớ năm nào. Khi bà Ngọc A và ông D2 canh tác thì không ai tranh cản.

Năm 1997, bà D lập Tờ thỏa thuận trả lại diện tích thửa 650 cho cụ P1. Khi lập văn bản có đọc lại cho các bên cùng nghe, bà D thống nhất nên ký tên. Đồng thời, có ông Nguyễn Văn P3 và ông Phan Văn L làm chứng.

Năm 2023, bà H yêu cầu bà D sang tên lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà D không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Khi còn sống, cụ P1 có làm di chúc để phần diện tích đất đang tranh chấp thành đất hương hỏa nên giao lại cho ông D2 canh tác.

Nay các bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Các bị đơn không yêu cầu phản tố và cũng không yêu cầu chia thừa kế diện tích đất đang tranh chấp, nếu có sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác.

Thừa nhận có việc trao đổi đất như ông Q trình bày. Các bị đơn không tranh chấp gì đối với ông Q và ông Á, nếu có sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lư Trung K trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà Lê Thị D. Phần diện tích đất này là quyền sử dụng của bà D nên không yêu cầu gì. Anh K không yêu cầu chia thừa kế, nếu có sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Q trình bày:

Ông Đào Văn S là cha ruột của ông Đào Văn Q có một phần đất liền kề với đất tranh chấp hiện nay. Năm 1997, ông S đã tặng cho ông Q diện tích đất này. Ông Q canh tác đến năm 2007, ông D2 thỏa thuận đổi đất để thuận lợi canh tác nên ông Q đã canh tác một phần diện tích đất mà bà D tranh chấp hiện nay trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M13-M1 theo Sơ đồ đo đạc của Trung tâm K1. Việc thỏa thuận này không lập giấy tờ, ông Q nhận đất canh tác nhưng không ai phản đối. Năm 2008, ông Q chuyển nhượng đất này cho ông Á canh tác đến nay.

Nay ông Q không yêu cầu gì, không tranh chấp gì với gia đình bà H và ông Huỳnh Văn Á, nếu có sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Ngọc A, bà Lư Ngọc D1, ông Huỳnh Văn Á trình bày:

Đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Đồng thời, các đương sự vắng mặt cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Tháp) (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị D về việc buộc Lê Thị H, Lư Thị Minh T, Lư Thái H1, Lư Thị Thúy O, Lư Thái P và Huỳnh Văn Á trả lại diện tích theo đo đạc thực tế 2.261,5m^2 thuộc thửa 650, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M11-M12-M13-M1 theo sơ đồ của Trung tâm K1.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị D không phải chịu án phí sơ thẩm do là người cao tuổi. Bà Lê Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006338, ngày 15/12/2024 và biên lai thu số 0007210, ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị D không được chấp nhận nên phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và đo đạc là 4.023.848 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng) (Đã nộp và chi xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 05/6/2025 bà Lê Thị D không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, buộc bà Lê Thị H, chị Lư Thị Minh T, anh Lư Thái H1, chị Lư Thị Thúy O, anh Lư Thái P và ông Huỳnh Văn Á trả lại diện tích theo đo đạc thực tế 2.261,5m^2 thuộc thửa đất số 650, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M11-M12-M13-M1 theo Sơ đồ đo đạc của Trung tâm K1 đo vẽ ngày 07/11/2024 do bà Lê Thị D đứng tên. Trường hợp không sửa án thì bà D đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng giải quyết không toàn bộ vụ án, giao về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư Nguyễn Văn V trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp, không sửa bản án sơ thẩm thì hủy bản án sơ thẩm, giao về Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Bởi:

+ Nguồn gốc thửa 366, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.671m^2 và thửa 650, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.600m^2 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/10/1997 cho bà Lê Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông Lư Văn B và bà Đào Thị P1 cho ông Lư Hữu P2 vào năm 1989. Vợ chồng bà D canh tác và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992. Đến năm 1993 ông P2 chết không để lại di chúc, bà D đi đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1994 bà P1 gặp bà D hỏi cho bà mượn lại thửa 650 để cho bà canh tác lấy lợi nhuận trang trải cuộc sống lúc tuổi già. Xét thấy, nguồn gốc đất của cha mẹ chồng tạo lập nên bà D đồng ý cho bà P1 mượn thửa 650, còn thửa 366 bà D trả lại bà P1. Đến năm 1997 bà P1 đem giấy thỏa thuận kêu bà D ký tên, do chữ nghĩa không rành, không đọc lại nội dung nên có ký tên vào, cứ nghĩ là cho mượn đất. Ông Nguyễn Văn P3 và ông Phan Văn L không có mặt chứng kiến, không biết ai đem cho họ ký nên không khách quan.

+ Thửa 650 bà P1 giao cho bà Ngọc A canh tác rồi giao lại cho ông Lư Hoàng D2 canh tác nhưng không hỏi ý kiến của bà D. Bà D nhận thừa kế từ chồng, đất cấp cho hộ cần phải có ý kiến của các con trong hộ, nay các con bà D

không đồng ý.

- Anh Lư Trung K trình bày: Thống nhất trình bày của Luật sư và bổ sung thêm ý kiến, sau khi xét xử sơ thẩm anh Lư Phước X và anh Lư Trí Đ vắng mặt, không có nhận được bản án sơ thẩm nên mất quyền kháng cáo.

- Chị Lư Thị Minh T trình bày: Không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thủ tục kháng cáo của bà Lê Thị D thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Tháp).

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 31/PB-VKS-DS ngày 27/11/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Tháp) thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc nguyên đơn bà Lê Thị D nộp đơn kháng cáo ngày 05/6/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lư Thị Ngọc A, bà Lư Ngọc D1, ông Đào Văn Q, ông Huỳnh Văn Á, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Đồng Tháp vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi các lẽ như sau:

Các đương sự thống nhất xác định nguồn gốc đất tranh chấp thuộc một phần thửa 650, tờ bản đồ số 01, diện tích đo đạc thực tế 2.261,5m^2 trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M11-M12-M13-M1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/11/2024 của Trung tâm K1 là của cụ Lư Văn B và cụ Đào Thị P1. Cụ B và cụ P1 có 04 người con gồm: Lư Ngọc D1, Lư Thị Ngọc A, Lư Hữu P2, Lư Hoàng D2. Ngoài ra, không có con nuôi, con riêng nào khác.

Năm 1989, cụ P1 giao đất cho ông P2 và bà D1 canh tác nhưng hàng năm phải đóng 20 gia lúa cho cụ P1. Ông P2 đi đăng ký, kê khai nên được cấp giấy chứng nhận vào ngày 11/5/1994. Ông P2 chết không để lại di chúc, bà D1 đi kê khai, lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/10/1997.

Nguyên đơn cho rằng năm 1994 cụ P1 yêu cầu bà D1 trả lại diện tích quyền sử dụng đất. Bà D1 đồng ý trả lại cụ P1 thửa 366, sự thỏa thuận này có ông Trần Văn T1 và ông Dương Văn Á1 làm chứng. Riêng thửa 650 thì bà D1 đồng ý cho cụ P1 mượn canh tác đến khi chết thì trả lại. Tờ thỏa thuận do ông Lư Hoàng D2 là người viết, bà D1 không đọc lại nên ông D2 tự ý chỉnh sửa thửa 366 thành thửa 650. Ông Nguyễn Văn P3 và ông Phan Văn L xác nhận là do ông D2 mang đến nhờ xác nhận chứ không trực tiếp chứng kiến. Cụ P1 đã giao 02 thửa 366 và 650 cho bà Lư Thị Ngọc A canh tác từ năm 1995. Đến năm 2005, bà Ngọc A cùng chồng là ông Nguyễn Xuân X1 chuyển nhượng thửa 366 lại cho bà D1. Các bên có lập tờ thỏa thuận vào ngày 31/5/2005 và bà D1 đã nhận đất lại canh tác cho đến nay nên không tranh chấp. Đến năm 2013 bà Ngọc A giao thửa 650 cho ông D2 canh tác nhưng không hỏi ý kiến bà D1 nên phát sinh tranh chấp.

Bà D1 thừa nhận đúng chữ ký và dấu vân tay trong Tờ tự thuận là của bà. Nội dung Tờ tự thuận thể hiện: *"Nguyên trước đây vợ chồng tôi có mượn của mẹ chồng tôi là bà Đào Thị P1 số đất là 1940m^2, đất tọa lạc trong diện tích TĐ1, ấp I, số giải thửa đo đạc của t/đ là 650, số ghi trong địa bộ là 650 để sản xuất, chúng tôi làm được 3 vụ thì chồng tôi chết, do đó tôi trả lại cho mẹ chồng tôi bắt đầu từ vụ Đ-X 95-96 và cũng kể từ vụ sản xuất 95-96 Đ1 tôi không còn trách nhiệm gì nữa trên diện tích đất nầy…Mẹ chồng tôi được chuyển quyền sử dụng đất trở lại tên của bà và mọi trách nhiệm cũng như quyền lợi của bà được hợp pháp kể từ vụ sản xuất Đ-X 95-96"* có xác nhận của ông Nguyễn Văn P3 và ông Phan Văn L. Tại Bản cam đoan ngày 15/5/2025 ông P3 xác nhận vào ngày 29/9/1997 ông có ký vào Tờ thỏa thuận với nội dung như sau: Xác nhận của BQLTĐ ấp Ba xác nhận số diện tích đất của bà Đào Thị P1 là 1940m^2 số thửa 650 nằm trong giấy quyền SDRĐ của Lê Thị D.

Anh K cho rằng Tờ tự thuận là bà D không biết, chỉ đưa ký tên không có đọc lại là không phù hợp, vì trong hồ sơ thể hiện và tại phiên tòa anh K thừa nhận

Tờ thỏa thuận là có thật nhưng nhầm lẫn thửa 366 chứ không phải thửa 650 nhưng không có gì chứng minh là sự nhầm lẫn và đất cũng được thực hiện theo thỏa thuận là phù hợp thực tế.

Biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2025 ông Dương Văn Á1 khai vào khoảng năm 1995-1996 ông làm Tập đoàn trưởng sản xuất nông nghiệp tại địa phương, do sự việc quá lâu nên không nhớ và không xác định được bà D có trình bày việc trả đất và cho mượn đất với cụ P1 hay không. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D trình bày bà biết đọc, biết viết và bà chỉ trình sự việc với ông T1, ông Á1, hai ông không trực tiếp chứng kiến.

Do đó, lời trình bày của bà D là không có căn cứ chấp nhận và bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cụ P1 mượn thửa đất 650. Mặc khác, khi cụ P1 chết, sau đó ông D2 canh tác, ông D2 chết thì vợ là bà H và các con của ông D2 canh tác sử dụng thửa 650 cho đến nay. Theo Sơ đồ đo đạc và phiên tòa sơ thẩm bà D thừa nhận gia đình bà có phần đất liền kề cùng thửa 650 nhưng bà D không cung cấp được tài liệu thể hiện tranh chấp, ngăn cản. Vì vậy, căn cứ Tờ tự thuận có thể xác định việc bà D thỏa thuận trả đất cho cụ P1 thửa 650 là có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Các đương sự không có yêu cầu chia thừa kế, bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc công nhận phần đất đang tranh chấp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu tranh chấp về hợp đồng trao đổi đất và cũng như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, trường hợp các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

Đối với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị D, anh Lư Phước X, anh Lư Trung K, anh Lư Trí Đ cho rằng bà D nhận thừa kế từ chồng, đất cấp cho hộ nên cần phải có ý kiến của các con trong hộ, bà D không có quyền lập thỏa thuận và giao đất là không đúng, vì phần đất của ông P2 và bà D theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 24.261m^2 và diện tích của ông P2 để lại là nhiều hơn diện tích bà D được hưởng nên việc giao lại thửa 650 là phù hợp.

Đối với lời trình bày của anh Lư Trung K là người đại diện theo ủy quyền của anh Lư Phước X và anh Lư Trí Đ cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm anh X và anh Đ vắng mặt, không có nhận được bản án sơ thẩm nên mất quyền kháng cáo là không có căn cứ, bởi: Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt bản án số 47/2025/DS-ST ngày 21/5/2025 cho anh Lư Phước X và anh Lư Trí Đ vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 26/5/2025 cho bà Lê Thị D là mẹ ruột nhận thay và cam kết giao lại tận tay người được tống đạt (Bút lục số 317 và 319) là phù hợp Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là

không có đủ căn cứ, đồng thời nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị D tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà Lê Thị D thuộc diện người cao tuổi nên được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị D.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Tháp).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng TT, KT & THA TAND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND khu vực 11 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 11 – Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hứa Quang Thông